

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **140/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-10-2018.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Đào.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 682/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Th**, sinh năm: 1985; (có mặt).

Địa chỉ: F1/45 ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trương Đình M**, sinh năm: 1973; (có mặt).

Địa chỉ: F1/45 ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

- Bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 02 do UBND xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/8/2003. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có hai con chung tên là Trương Thành Danh, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đạt, sinh ngày 02/01/2010. Đến khoảng tháng 8/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, ông Trương Đình M không tôn trọng vợ con, thường xuyên đánh đập vợ con, bạo lực gia đình, bà và ông M đã sống ly thân từ tháng

5/2018. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Th yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Trương Thành D, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đ, sinh ngày 02/01/2010, bà Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, bà yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/một con/tháng.

Trường hợp Tòa án giao hai con chung cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì bà Th sẽ cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.500.000 đồng/một con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Đình M trình bày:

- Ông Trương Đình M xác nhận vào năm 2003 có tự nguyện kết hôn với bà Lê Thị Th, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 02 do UBND xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/8/2003. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc và có hai con chung tên là Trương Thành Danh, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đạt, sinh ngày 02/01/2010. Đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau, bà Th không chung Th, xúc phạm gia đình chồng, ông và bà Th đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông M đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Th.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Thành D, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đ, sinh ngày 02/01/2010. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, ông M không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp Tòa án giao hai con chung cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, thì ông M đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. (1.500.000 đồng/một con/tháng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà Lê Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về tố tụng:

Bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trương Đình M. Ông M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[II]. Về nội dung:

[1.] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 02 do UBND xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/8/2003 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2]. Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M cùng xác nhận là đời sống chung giữa hai người có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay và không còn quan tâm chăm sóc, liên hệ với nhau từ lâu.

[1.3]. Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân số 3218/UBND ngày 07/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “Trong quá trình sinh sống tại địa phương giữa bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do ông bà không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân”.

[1.4]. Tại các buổi hòa giải, các đương sự đều xác nhận mâu thuẫn gia đình trầm trọng, không thể hàn gắn được, cả hai không còn tình cảm, quan tâm, chăm sóc với nhau và mong muốn được Tòa án cho ly hôn. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Tại phiên tòa, ông Trương Đình M có mong muốn được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên ông không có bất kỳ kế hoạch, động thái, hành động gì để hàn gắn tình cảm gia đình, mà vẫn dùng những lời lẽ hằn học, xúc phạm nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Th.

[2.] Về con chung: Bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M có hai con chung tên là Trương Thành Danh, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đạt, sinh

ngày 02/01/2010. Bà Th và ông M đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Danh và trẻ Đạt.

[2.1]. Xét yêu cầu nuôi con của ông Trương Đình M: Khi ông M và bà Th phát sinh mâu thuẫn trầm trọng thì ông M ra ngoài sống ly thân, từ khi sống ly thân ông ít quan tâm, chăm sóc con chung, thiếu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tại các biên bản ghi nhận ý kiến trẻ vào các ngày 26/6/2018 và ngày 09/7/2018 thì ông M không đồng ý ký tên vì ông cho rằng các trẻ trả lời không đúng nguyện vọng và không trung thực vì có sự hướng dẫn trước của bà Th. Tuy nhiên ông đồng ý với nguyện vọng của các trẻ tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ vào ngày 14/9/2018 (ông yêu cầu khi hỏi ý kiến các trẻ không có mặt bà Th) và tại biên bản này các trẻ Danh và Đạt đều mong muốn được ở với mẹ và ông đồng ý với nội dung biên bản, đồng ý ký tên, tôn trọng nguyện vọng của các trẻ Danh và Đạt. Do đó, để ổn định cuộc sống, học tập, phát triển và nguyện vọng của trẻ Danh, trẻ Đạt Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông Trương Đình M.

[2.2]. Xét yêu cầu nuôi con của bà Lê Thị Th: Kể từ khi ông M và bà Th phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ông M ra ở riêng sống ly thân thì từ đó đến nay hai con chung do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông M không quan tâm, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con cùng với bà Th, qua đó thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người cha đối với con cái; Mặt khác tại các bản ghi nhận ý kiến trẻ thì các trẻ Trương Thành Danh, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đạt, sinh ngày 02/01/2010 đều có mong muốn là được sống với mẹ. Do vậy, để bảo đảm cuộc sống của các trẻ tốt hơn, sự ổn định cuộc sống, tâm sinh lý và việc học tập của trẻ Danh, trẻ Đạt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Th. Giao hai trẻ Danh và Đạt cho bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Trương Đình M xác nhận, nếu Tòa án giao con chung cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/con/tháng cho đến khi trẻ Danh, trẻ Đạt thành niên. Xét mức cấp dưỡng này là phù hợp với nhu cầu cuộc sống của hai trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Trương Đình M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Trương Thành Danh, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đạt, sinh ngày 02/01/2010 mỗi tháng 1.500.000 đồng/trẻ cho đến khi hai trẻ thành niên.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung:

[4.1]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.2]. Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông Trương Đình M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Th đối với ông Trương Đình M.

Bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Trương Đình M. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M chấm dứt cũng như giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38, quyển số 02 do UBND xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/8/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai trẻ tên Trương Thành Danh, sinh ngày 07/10/2003; Trương Thành Đạt, sinh ngày 02/01/2010 cho bà Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Trương Đình M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Danh, trẻ Đạt mỗi trẻ mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng cho đến khi trẻ Đạt, trẻ Danh thành niên. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật .

Trường hợp ông Trương Đình M không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo án tuyên thì bà Th có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông M chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông M phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con tại thời điểm thanh toán.

Ông Trương Đình M có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Th và ông Trương Đình M cùng xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Bà Lê Thị Th chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu số

AA/2018/0005156 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí.

4.2. Ông Trương Đình M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Quảng Đại, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa,
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến